

trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đối với trường hợp theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền. Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi, xử lý tài sản sau khi thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về đất đai thì thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này; không áp dụng quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

Điều 21. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện điều chuyển giữa các đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý theo quy định.

b) Tài sản được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy

nội địa:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

c) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan quản lý tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: 01 bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản chỉ đạo/hồi đáp trong

trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có Quyết định thu hồi và xử lý theo hình thức điều chuyển tài sản thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản) trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định điều chuyển tài sản, tổ chức thực hiện Quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này; trong đó cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có tài sản điều chuyển.

Điều 22. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý

1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa

phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản đã được giao cho cơ quan quản lý tài sản nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

b) Bị loại ra khỏi quy hoạch công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia về địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý, xử lý.

b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý về địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý, xử lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý, xử lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo hình thức chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị chuyển giao tài sản của cơ quan quản lý tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cơ quan chức năng của địa phương (nơi tiếp nhận tài sản): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Đối với đề nghị chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

c) Đối với đề nghị chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này:

Bộ Giao thông vận tải xem xét, có văn bản kèm theo hồ sơ và ý kiến của các cơ quan có liên quan (trong đó có Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản) để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có văn bản kèm theo hồ sơ và ý kiến của các cơ quan có liên quan (trong đó có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận tài sản (nếu có)) để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao; danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Cơ quan có tài sản chuyển giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

e) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả theo quy định.

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho địa phương tiếp nhận.

Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản quy định tại khoản 6 Điều này.

g) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa

phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có Quyết định thu hồi và xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cơ quan chức năng của địa phương; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện Quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 4 Điều này; trong đó cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có tài sản chuyển giao.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp giao đất để xây dựng trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý) thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đấu giá tài sản, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Điều 23. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thanh lý trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa để tiếp tục sử dụng không có hiệu quả (dự kiến chi phí sửa chữa lớn hơn 30% nguyên giá tài sản).

b) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới hoặc để đảm bảo giao thông đường thủy nội địa, hoàn trả mặt bằng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do

cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị thanh lý tài sản của cơ quan quản lý tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thanh lý: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thanh lý; hình thức thanh lý; quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) từ việc phá dỡ, hủy bỏ công trình được xử lý như sau:

a) Giao cho cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Cơ quan quản lý tài sản có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền đã quyết định thanh lý tài sản để quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì, trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị Hợp đồng bảo trì.

b) Điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác để quản lý, sử dụng: Trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý), đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu

hồi, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển ra ngoài Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b1) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi từ việc thanh lý của cơ quan quản lý tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

b2) Trình tự, thủ tục điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi:

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

Trường hợp điều chuyển thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan có vật liệu, vật tư điều chuyển do thanh lý tài sản; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển; lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng: Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

d) Hủy bỏ đối với vật liệu, vật tư không còn sử dụng được.

6. Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này mà trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; cơ quan quản lý tài sản không phải thực hiện trình tự, thủ tục thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.

7. Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

Điều 24. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

2. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị xử lý tài sản của cơ quan quản lý tài sản: 01 bản chính;

Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản trước khi bị mất, bị hủy hoại); lý do (nguyên nhân) bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản trước khi bị mất, bị hủy hoại); lý do (nguyên nhân) bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm:

a) Thực hiện ghi giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

c) Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả để khôi phục hoạt động giao thông đường thủy nội địa an toàn, thông suốt.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền bồi thường thiệt hại tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này, sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có) nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

Điều 25. Sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Trước khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, cơ quan, người có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý), giao cơ quan tài nguyên môi trường ở địa phương có văn bản gửi lấy ý kiến cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa ở địa phương (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý); trường hợp tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai phải đồng thời có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp của việc thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, sự phù hợp của vị trí mới được bố trí để đầu tư xây dựng tài sản thay thế (nếu có) và các nội dung cần thiết khác.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của

cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý, Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan có ý kiến về việc thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý, cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan có ý kiến về việc thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

3. Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và xử lý tài sản sau khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Điều 26. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Giao thông vận tải quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

2. Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan quản lý có tài sản xử lý.

3. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phê duyệt, sau khi có ý kiến thẩm định của chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

- a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.
- b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.
- c) Chi phí định giá và thẩm định giá.
- d) Chi phí tổ chức bán.
- đ) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

5. Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký giữa cơ quan quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả. Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp lệ của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Văn bản thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này: 01 bản chính.

c) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); Hóa đơn, Phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

7. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 6 Điều này, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

8. Quá thời hạn quy định tại khoản 6 Điều này, cơ quan quản lý tài sản không gửi hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả và cũng không có văn bản về lý do chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán, chủ tài khoản tạm giữ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 9 Điều này.

9. Định kỳ hằng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc trung ương quản lý, ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

10. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí

thì phần còn thiếu được chi từ dự toán ngân sách nhà nước giao cho cơ quan quản lý tài sản.

Mục 5. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA ĐƯỢC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ

Điều 27. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được đầu tư theo phương thức đối tác công - tư

1. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo phương thức đối tác công - tư và việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo phương thức đối tác công - tư cho Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

3. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này về việc sử dụng tài sản hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, căn cứ Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và Hợp đồng ký kết, cơ quan quản lý tài sản thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công - tư có trách nhiệm kế toán, quản lý, sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý tham gia vào dự án) đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng cho đến khi chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án; quản lý, sử dụng, kế toán tài sản sau khi nhận chuyển giao từ nhà đầu tư khi kết thúc dự án.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án, cơ quan quản

lý tài sản có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này cho đến khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mục 6. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 28. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải được báo cáo kê khai và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP);

Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về cơ quan quản lý tài sản hoặc thông tin về tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu.

3. Cơ quan quản lý tài sản thực hiện hoặc phân cấp thực hiện trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản, nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển), xử lý tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản, tài sản đã kê khai.

4. Hằng năm, cơ quan quản lý tài sản báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo hằng năm là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hằng năm thực hiện như sau:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập báo cáo, gửi Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

b) Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản

lý, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 4 hàng năm.

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu và thực hiện công khai về tài sản theo quy định.

6. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

- a) Gửi trực tiếp.
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.
- c) Gửi qua Fax.
- d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.
- đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.
- e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

7. Mẫu báo cáo kê khai và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Điều 29. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước. Thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được cơ quan, người có thẩm quyền cung cấp có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.

2. Việc xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật.

b) Bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.

3. Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan quản lý tài sản ở trung ương/địa phương và các cơ quan có liên quan thực hiện báo cáo kê khai, nhập, duyệt dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm thi hành.

1. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải:

a) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho đối tượng quản lý theo quy định tại Nghị định này, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm hoạt động giao thông đường thủy nội địa thông suốt, an toàn.

b) Chủ trì xây dựng, ban hành chế độ, quy định bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn việc lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ việc kế toán, tính hao mòn, báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

d) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý.

đ) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 29 Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

e) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trên phạm vi cả nước để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

g) Quy định phương pháp xác định giá quy ước đối với các tài sản không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản (bao gồm cả tài sản thuộc trung ương và tài sản thuộc địa phương quản lý).

Quyết định giá quy ước của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trung ương quản lý làm cơ sở xác định giá trị tài sản để ghi sổ kế toán đối với các trường hợp chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại.

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Quy định chế độ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

b) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

c) Ban hành Mẫu báo cáo kê khai, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xây dựng Cơ sở dữ liệu về

tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trên phạm vi cả nước và hướng dẫn việc tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho đối tượng quản lý theo quy định tại Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan, bảo đảm hoạt động giao thông đường thủy nội địa thông suốt, an toàn.

b) Chỉ đạo, rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý.

d) Chỉ đạo việc đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của địa phương; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Quyết định giá quy ước của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giao quản lý tại điểm b Khoản 1 Điều 5 Nghị định này làm cơ sở xác định giá trị tài sản để ghi sổ kế toán đối với các trường hợp chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại và không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

4. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

5. Các cơ quan và các đối tượng khác có liên quan được nộp hồ sơ điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số khi thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị định này. Trường hợp thực hiện thủ tục quy định tại Nghị định này mà phải thực hiện qua nhiều bước thì các bản chính theo quy định của từng thủ tục được lưu tại cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định; các cơ quan khác lưu bản sao.

Điều 31. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã có Quyết định giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản phù hợp với đối tượng được giao quản lý tài sản quy định tại Nghị định này thì cơ quan quản lý tài sản thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này; không phải làm lại

thủ tục để giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện xác định giá trị để ghi sổ kế toán tài sản theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính thì phải hoàn thành việc xác định giá trị tài sản theo quy định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; các công việc chưa thực hiện về kế toán, tính hao mòn tài sản thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa thực hiện xong (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này) thì được tiếp tục thực hiện theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện để tổ chức xử lý tài sản đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo hình thức bán theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP:

a) Trường hợp chưa tổ chức đấu giá hoặc tổ chức đấu giá không thành hoặc kết quả đấu giá bị hủy theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản hoặc quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền đã hết hiệu lực theo quy định của pháp luật thì dừng việc bán và thực hiện xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này. Việc xử lý chi phí đã chi ra liên quan đến việc bán tài sản (gồm chi phí kiểm kê, đo vẽ; chi phí định giá và thẩm định giá; chi phí tổ chức bán và chi phí khác có liên quan đến việc bán tài sản) thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 5 và 9 Điều 26 Nghị định này.

b) Trường hợp đã tổ chức đấu giá thành, đã ký Hợp đồng mua bán tài sản, nhưng người mua tài sản (người trúng đấu giá) chưa thanh toán đủ tiền mua tài sản cho cơ quan được giao quản lý tài sản theo Hợp đồng đã ký kết thì xử lý như sau:

Người mua tài sản tiếp tục thanh toán tiền mua tài sản theo Hợp đồng đã ký kết và cơ quan quản lý tài sản thực hiện nộp tiền vào tài khoản tạm giữ;

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho người mua theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Việc giao tài sản cho người mua được thực hiện tại nơi có tài sản sau khi người mua đã hoàn thành việc thanh toán;

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc bán đấu giá tài sản cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản và báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 28 Nghị định này;

Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc bán tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hình thành từ nguồn vốn của nhà nước và vốn của doanh nghiệp trước ngày Nghị định số 45/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 13 tháng 3 năm 2018) mà tài sản có sự đan xen, không thể tách bạch được trong quá trình sử dụng, khai thác, một phần tài sản được giao cho cơ quan quản lý tài sản theo quy định của pháp luật từng thời kỳ thì được xử lý theo Phương án giao phần tài sản hình thành từ vốn nhà nước cho doanh nghiệp theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước (sau đây gọi là Phương án giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước). Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập Phương án giao tài sản có hoàn trả giá trị cho Nhà nước, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước của cơ quan quản lý tài sản: 01 bản chính;

Phương án giao tài sản có hoàn trả giá trị cho Nhà nước: 01 bản chính (trong đó có các nội dung chủ yếu sau: Danh mục tài sản được giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng sử dụng của tài sản; Quyết định đầu tư, giá trị đầu tư quyết toán được phê duyệt; giá trị hoàn trả phần tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho Nhà nước, thời gian hoàn trả, cách thức hoàn trả; cơ sở pháp lý);

Ý kiến bằng văn bản của: Doanh nghiệp có phần tài sản sử dụng đan xen với tài sản của Nhà nước; Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn nhà nước): 01 bản chính;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý): 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Phương án giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước do cơ quan quản lý tài sản trình, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Phương án chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Phương án giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho nhà nước gồm:

Tên doanh nghiệp được giao phần tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản;

Giá trị hoàn trả phần tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho Nhà nước, thời gian hoàn trả, cách thức hoàn trả;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

c) Căn cứ quyết định phê duyệt phương án giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước, Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện và ký hợp đồng hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước với doanh nghiệp. Hợp đồng gồm những nội dung chủ yếu sau:

Thông tin của cơ quan quản lý tài sản;

Thông tin của doanh nghiệp;

Danh mục tài sản hoàn trả (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản;

Giá trị hoàn trả phần tài sản kết cấu hạ tầng cho Nhà nước;

Thời hạn và phương thức hoàn trả giá trị phần tài sản cho Nhà nước (Đối với phần tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn trong nước, doanh nghiệp thanh toán giá trị hoàn trả tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% giá trị hoàn trả trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng; Đối với phần tài sản được đầu tư bằng vốn vay ODA thì doanh nghiệp thanh toán phần vốn vay ODA và lãi vay ODA theo hiệp định vay vốn/hoặc thanh toán như trường hợp vốn đầu tư trong nước);

Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý tài sản;

Trách nhiệm của doanh nghiệp.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước, Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giao phần tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp chậm hoàn trả kinh phí đầu tư của Nhà nước, Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho cơ quan quản lý tài sản tạm dừng việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho đến khi doanh nghiệp hoàn trả đủ số tiền chậm trả.

đ) Xác định giá trị hoàn trả phần tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho Nhà nước:

Đối với giá trị đầu tư bằng nguồn vốn trong nước: Giá trị hoàn trả là phần kinh phí Nhà nước đã đầu tư và lãi xác định theo mức lãi suất trái phiếu Chính phủ tại thời điểm lập phương án hoàn trả, thời gian tính lãi từ thời điểm tài sản hình thành hoặc bàn giao cho doanh nghiệp sử dụng, khai thác đến khi doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả.

Đối với giá trị đầu tư bằng nguồn vốn vay ODA: Giá trị hoàn trả là số vốn vay ODA và lãi vay vốn ODA theo hiệp định vay vốn, thời gian hoàn trả tối đa không quá thời gian theo hiệp định vay vốn.

e) Việc quản lý, sử dụng số tiền hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

Điều 33. Điều khoản thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;...
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;...
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
Mẫu số 01A	Biên bản tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
Mẫu số 02A	Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa <i>(Phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản)</i>
Mẫu số 02B	Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa <i>(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)</i>
Mẫu số 02C	Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa <i>(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)</i>

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:

b) Trách nhiệm của Bên nhận:

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TẠM BÀN GIAO
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Căn cứ Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày / /2023 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm....., tại, việc tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA TẠM BÀN GIAO TÀI SẢN

1. Đại diện Bên tạm bàn giao (cơ quan quản lý tài sản):

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

2. Đại diện Bên nhận (chủ đầu tư dự án):

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

3. Đại diện Cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG TẠM BÀN GIAO TÀI SẢN

1. Danh mục tài sản tạm bàn giao cho chủ đầu tư dự án:

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng/ Khối lượng/ Chiều dài	Diện tích (m ²)		Giá trị tài sản (đồng)		Tình trạng tài sản	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản
					Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng									

2. Thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án

3. Các hồ sơ liên quan đến việc tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư:

.....

4. Trách nhiệm của các bên:

a) Trách nhiệm của Bên tạm bàn giao tài sản:.....

b) Trách nhiệm của Bên nhận (chủ đầu tư dự án):

(Trong đó nêu rõ: Việc xử lý các vấn đề phát sinh trong thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án, sau khi dự án hoàn thành và nội dung liên quan khác - nếu có).

5. Ý kiến của các bên tham gia tạm bàn giao tài sản:

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN TẠM BÀN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ GTVT/UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-ĐATT

....., ngày ... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
(Phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số/2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức trực tiếp tổ chức khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan được giao quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn khai thác tài sản (nếu có):

3. Phương thức tổ chức thực hiện khai thác tài sản.

4. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc trực tiếp khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước; số để lại đơn vị.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ GTVT/UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-ĐACT

....., ngày ... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số/2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng: ...

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi...) của cơ quan được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản: ...

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá:

6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ GTVT/UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ QUAN.....

Số:/.....-ĐACN

....., ngày ... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số/2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng có thời hạn quyền

khai thác tài sản.

5. Điều kiện của doanh nghiệp tham gia đấu giá.

6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản:...

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)